

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 5 - 2018.

V/v tranh chấp: *Ly hôn*

giữa chị L và anh T.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Hồ Đình Quảng**
- Bà **Phan Thị Hà**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **09** tháng **5** năm **2018** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 250/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Đường Kim L** sinh năm: 1977

Địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bí đơn:** Anh **Nguyễn Quốc T** sinh năm: 1974

Địa chỉ cư trú: Thôn 3, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

(Chi L có mặt tại phiên tòa; anh T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI C1 VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đường Kim L và bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 02/01/1997, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới.

Chị L và anh T đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được hạnh phúc. Chị L và anh T đều cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân đã 02 năm không ai quan tâm đến ai nên đều yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 29/4/1998 và cháu Nguyễn Thị Kim C2, sinh ngày 04/01/2007. Do cháu C2 hiện nay đang ở với chị L nên khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu C2 đến đủ tuổi thành niên, anh T đồng ý giao cháu C2 cho chị L nuôi dưỡng. Còn cháu C1 đã đủ tuổi thành niên nên chị L và anh T không yêu cầu giải quyết.

- *Về cấp dưỡng*: Chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do nguyên đơn chị Đường Kim L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng**: Chị Đường Kim L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với anh Nguyễn Quốc T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là anh Nguyễn Quốc T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Quốc T là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội C1:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị L và anh T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 02/01/1997, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Chị L và anh T đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, không thể hàn gắn được hạnh phúc. Chị L và anh T đều cho rằng vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên đều yêu cầu được ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L đã làm đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vợ chồng mâu thuẫn đã lâu và rất trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đã hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được hạnh phúc. Còn anh T cũng thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn cũng đã lâu, không hàn gắn được tình cảm và đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn, còn anh T vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L; xử cho chị L được ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Chị L và anh T đều trình bày vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 29/4/1998 và cháu Nguyễn Thị Kim C2, sinh ngày 04/01/2007.

Hiện nay cháu C2 đang ở với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C2 đến đủ tuổi thành niên, anh T cũng đồng ý giao cháu C2 cho chị L nuôi dưỡng.

Xét thấy: Hiện nay cháu C2 đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng muốn ở với chị L. Vì vậy, để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng như tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L về việc nhận nuôi dưỡng cháu C2; giao 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim C2, sinh ngày 04/01/2007 cho chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Còn cháu Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 29/4/1998 đã đủ tuổi thành niên, chị L và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về cấp dưỡng*: Chị L không yêu cầu nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh T đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí*: Buộc chị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đường Kim L đối với anh Nguyễn Quốc T về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho chị Đường Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

2/ Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim C2, sinh ngày 04/01/2007 cho chị Đường Kim L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên. Anh Nguyễn Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Còn cháu Nguyễn Thị Kim C1, sinh ngày 29/4/1998 đã đủ tuổi thành niên, chị Đường Kim L và anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3/ Về án phí: Chị Đường Kim L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0005003 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Chị Đường Kim L đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường